

NGHỊ QUYẾT

Về trợ cấp nghỉ việc, dôi dư, thai sản, mai táng đối với Phó trưởng công an xã, công an viên; Phó chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; ấp, khóm đội trưởng; những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm; những người tốt nghiệp đại học về công tác tại xã, phường, thị trấn và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 2311/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết về trợ cấp nghỉ việc, dôi dư, thai sản, mai táng đối với Phó trưởng công an xã, công an viên; Phó chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; ấp, khóm đội trưởng; những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm; những người tốt nghiệp đại học về công tác tại xã, phường, thị trấn và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị quyết này quy định về trợ cấp nghỉ việc, dôi dư, thai sản, mai táng đối với các đối tượng sau:

1. Phó trưởng công an xã (công an không chính quy).
2. Công an viên (công an viên thường trực và công an viên bố trí công tác ở ấp, khóm).
3. Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi tắt là cấp xã).
4. Ấp, khóm đội trưởng.
5. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.
6. Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm.

7. Những người tốt nghiệp đại học về công tác tại cấp xã và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (các đối tượng theo Nghị quyết số 11/2007/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Điều 2. Điều kiện được trợ cấp dôi dư, nghỉ việc

1. Các đối tượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 1 Nghị quyết này, nếu dôi dư do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; sắp xếp đơn vị hành chính; sáp nhập ấp, khóm; giảm số lượng người làm việc ở cấp xã, ở ấp, khóm.

2. Các đối tượng theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị quyết này dôi dư do đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 mà không thể bố trí công tác khác hoặc có nguyện vọng xin nghỉ việc trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Các đối tượng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này, nếu trong quá trình công tác có nguyện vọng xin nghỉ việc và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Các trường hợp không áp dụng

1. Các trường hợp đang bị xem xét kỷ luật; đang trong thời gian thi hành kỷ luật; người đang hưởng chính sách hưu trí tham gia công tác; tự ý nghỉ việc.

2. Các trường hợp được hưởng chế độ thai sản, mai táng theo quy định của pháp luật; người từ trần vì lý do vi phạm pháp luật.

3. Các trường hợp đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật.

4. Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Trường hợp khác được áp dụng chính sách trợ cấp

Phó trưởng công an xã đủ điều kiện hưởng chính sách trợ cấp một lần của pháp luật chuyên ngành nhưng có thời gian công tác không đóng bảo hiểm xã hội thì thời gian công tác không đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp một lần theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này (thời gian công tác không đóng bảo hiểm xã hội không được tính hỗ trợ của pháp luật chuyên ngành).

Điều 5. Mức trợ cấp và thời gian tính trợ cấp

1. Trợ cấp nghỉ việc, dôi dư

a) Các đối tượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 1 Nghị quyết này, dôi dư hoặc có nguyện vọng xin nghỉ việc, ngoài chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, còn được tính trợ cấp một lần với mỗi năm công tác không đóng bảo hiểm xã hội bằng 01 (một) tháng phụ cấp hàng tháng, kể cả hệ số hỗ trợ theo bảng cấp (nếu có), cộng với phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp đặc thù chức danh hiện hưởng trước khi nghỉ việc.

b) Các đối tượng theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị quyết này, dôi dư do đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 mà không thể bố trí công tác khác hoặc có nguyện

vọng xin nghỉ việc trước ngày 31 tháng 12 năm 2020, được trợ cấp một lần với mỗi năm tham gia công tác bằng 01 tháng trợ cấp hiện hưởng trước khi thôi việc.

2. Các đối tượng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này khi sinh con được giữ nguyên mức phụ cấp, trợ cấp hiện hưởng.

3. Các đối tượng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này từ trần thì người lo mai táng được trợ cấp một lần bằng với mức trợ cấp mai táng đối với cán bộ, công chức từ trần.

4. Thời gian tính trợ cấp

a) Thời gian tính trợ cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này là thời gian công tác không đóng bảo hiểm xã hội và chưa được hưởng trợ cấp, hỗ trợ thôi việc. Trường hợp có thời gian công tác dưới 06 (sáu) tháng được tính bằng 1/2 (một phần hai) năm làm việc; từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng được tính là 01 (một) năm làm việc; nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn.

b) Thời gian tính trợ cấp thai sản theo quy định tại khoản 2 Điều này bằng thời gian quy định về chế độ thai sản của Luật bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công chức.

Điều 6. Nguồn kinh phí

Kinh phí trợ cấp cho các đối tượng quy định tại Nghị quyết này được sử dụng từ ngân sách tỉnh.

Điều 7. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định đối tượng, mức hỗ trợ nghỉ việc, thai sản, mai táng phí đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ấp, khóm và Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 8. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX - kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2020.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính;
KBNN, Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng